

Sơn La ngày 20 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2011

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1- Những sự kiện quan trọng.

1.1- Thành lập : Công ty cổ phần Sông Đà 7 tiền thân là Công ty Sông Đà 7- Đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) được thành lập tháng 8 năm 1976 tại Công trường xây dựng Nhà máy Thủy điện Thác Bà - Yên Bái.

1.2- Chuyển đổi Công ty : Công ty Sông Đà 7 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sông Đà 7 theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy phép đăng ký kinh doanh số : 5400105091 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 29/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/5/2011.

1.3- Niêm yết : Công ty cổ phần Sông Đà 7 được Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và chính thức niêm yết trên sàn giao dịch Hà Nội ngày 27/12/2006.

1.4- Các sự kiện khác:

- Từ năm 2002-2006: Công ty tham gia thi công Thủy điện Tuyên Quang có công suất 342 MW là công trình thủy điện lớn thứ 3 miền bắc tại thời điểm đó với tư cách là một trong những đơn vị thi công chính. Các hạng mục công trình do Công ty thi công được chủ đầu tư và tổng thầu đánh giá cao về tiến độ và chất lượng công trình.

- Từ năm 2004-2011: Công ty tham gia thi công 3/6 tổ máy Thủy điện Sơn La có công suất 2.400 MW là công trình Thủy điện lớn nhất Đông Nam Á. Bên cạnh đó Công ty còn được Tập đoàn Sông Đà giao nhiệm vụ là đơn vị thi công trình công trình Thủy điện Nậm Chiến có công suất 200 MW. Công ty đã góp phần tích cực trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công để đưa nhà máy Thủy điện Sơn La phát điện sớm 2 năm so với tiến độ đề ra.

- Từ năm 2010 đến nay: Công ty tiếp tục được tin tưởng giao nhiệm vụ là một trong những đơn vị thi công chính Thủy điện Lai Châu có công suất 1.200 MW và

là thành viên của tổ hợp nhà thầu thi công thủy điện Bản Chát có công suất 220 MW.

- Từ năm 2007 đến nay: Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã tham gia góp vốn đầu tư nhà máy Thủy điện Sử Pán 2 có công suất 35 MW ; đầu tư Thủy điện Yantansien có công suất 19,5 MW , thủy điện Nậm He có công suất 16 MW, Thủy điện Sập Việt có công suất 21 MW, thủy điện Tiên thành có công suất 15 MW.

- Năm 2008 Công ty được tỉnh Hà Tây giao làm chủ đầu tư dự án khu nhà vườn sinh thái công nghệ cao Đồng Quang; khu đô thị Quốc Oai.

Ngoài ra Công ty hiện đang tham gia thi công xây lắp dự án Khu đô thị Vườn Cam do Công ty CP Vinapol làm chủ đầu tư và một số công trình xây lắp khác.

2- Quá trình phát triển.

2.1- Ngành nghề kinh doanh :

- *Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, nhà ở và xây dựng khác;*
- *Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông;*
- *Trang trí nội, ngoại thất công trình, tạo kiến trúc cảnh quan công trình;*
- *Xây dựng đường dây và trạm biến áp điện đến 500 Kv;*
- *Xây dựng công trình thông tin, bưu điện, xây dựng hầm lò, đường hầm;*
- *Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lắp đặt;*
- *Khai thác mỏ, khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình, xử lý chống thấm, đóng cọc móng, khoan khai thác nước;*
- *Thiết kế và tư vấn, giám sát thi công các công trình xây dựng;*
- *Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;*
- *Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;*
- *Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giầy;*
- *Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;*
- *Kinh doanh vận tải;*
- *Kinh doanh nhà, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; môi giới, đấu giá bất động sản;*
- *Kinh doanh, tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí;*
- *Đầu tư, xây lắp các công trình Thủy điện vừa và nhỏ; SXKD điện thương phẩm;*
- *Xuất nhập khẩu hàng hoá, vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ thi công các công trình xây dựng.*

2.2- Tình hình hoạt động:

- Từ năm 1996 trở về trước Công ty hoạt động SXKD chuyên ngành sản xuất vật liệu xây dựng cho công trường chủ yếu là đá dăm và vữa bê tông thương phẩm.

- Từ năm 1997 đến năm 2005 Công ty mở rộng ngành nghề kinh doanh, ngoài việc giữ vững ngành nghề truyền thống là sản xuất VLXD, Công ty tham gia xây lắp

các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình đường dây & trạm biến áp điện đến 500KV và đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản.

- Từ năm 2006 ngoài các công việc sản xuất kinh doanh đã nêu Công ty còn tiến hành đầu tư vào các Nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; các dự án đô thị, khai khoáng và tham gia góp vốn đầu tư liên doanh liên kết vào nhiều lĩnh vực khác nhau ... theo xu thế hội nhập và phát triển của đất nước.

2.3- Định hướng phát triển.

a- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

*** Kế hoạch năm 2012 (Kế hoạch Công ty mẹ):**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2012	Ghi chú
1	Tổng giá trị sản lượng <i>Trong đó:</i> + Giá trị xây lắp + Ngoài xây lắp & SXCN	10 ³ đ 10 ³ đ 10 ³ đ 10 ³ đ	877.700.000 757.700.000 120.000.000	
2	Doanh thu	10 ³ đ	765.500.000	
4	Các khoản nộp Nhà nước	10 ³ đ	13.900.000	
5	Thu nhập bình quân	10 ³ đ	6.800	
6	Khấu hao tài sản cố định	10 ³ đ	9.100.000	
8	Lợi nhuận trước thuế	10 ³ đ	20.600.000	
9	Tổng số CBCNV	Người	520	
10	Cổ tức	%	12	
11	Vốn điều lệ	10 ³ đ	180.000.000	

*** Các mục tiêu chủ yếu:**

- Đảm bảo cổ tức cho các cổ đông, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Đảm bảo tiến độ thi công tại các công trình trọng điểm, cụ thể:

Mục tiêu, tiến độ tại các công trình năm 2012.

Các công trình do Công ty nhận thầu thi công

a. Công trình thủy điện Nậm Chiến: Tổng khối lượng đổ bê tông: 30.178 m³, hoàn thành thi công thân đập vai trái vào tháng 3/2012, đập tràn vào tháng 4/2012.

b. Công trình thủy điện Lai Châu:

- Tổng khối lượng đổ bê tông: 62.057 m³.

- Thi công bê tông thân công hạ lưu giai đoạn 1&2 (Bao gồm cả bê tông đúc sẵn): 38.577 m³; Bê tông CVC trên đỉnh công thượng lưu: 15.000 m³; Bê tông san phẳng cao độ 205m CNN số 1,2: 5.400 m³; Bê tông hành lang ngang cao độ 233m: 1.200 m³; Bê tông ở cơ sở trạm trộn RCC: 1.400 m³;

- Khối lượng sản xuất đá dăm và cát nghiền cho CVC là: 78.000 m³; Khối lượng sản xuất đá dăm và cát nghiền cho RCC là: 440.000 m³.

c. Công trình thủy điện Bản Chát: Tổng khối lượng đổ bê tông là: 52.984 m³, hoàn thành thi công đập tràn vào tháng 7/2012.

Các dự án đầu tư:

a. Dự án thủy điện Yantansien – Lâm Đồng: Theo tiến độ của dự án hiện đang chậm, dự kiến phát điện vào quý IV/2012.

b. Dự án thủy điện Nậm He – Điện Biên: Theo tiến độ của dự án hiện đang chậm, dự kiến phát điện vào quý IV/2012.

c. Dự án thủy điện Sập Việt: Tạm dừng thi công, xúc tiến làm việc với ngân hàng để ký kết hợp đồng vay vốn cho dự án.

d. Dự án thủy điện Tiên Thành – Cao Bằng, Thủy điện Nậm Thi 1,2; Thủy điện Nậm Sì Lương 3,4: Tạm dừng thi công, tìm đối tác có nhu cầu và chuyển nhượng lại dự án.

e. Dự án tại mỏ đá tại xã Hợp Hòa và xã Cư Yên – Lương Sơn – Hòa Bình: Bóc phủ khai thác từ quý II/2012.

f. Dự án trung tâm thương mại, dịch vụ và nhà ở cao cấp An Khánh – Hoài Đức – Hà Nội: Xúc tiến hoàn thành các thủ tục pháp lý với các sở ban ngành TP Hà Nội; Lập và phê duyệt dự án đầu tư công trình kiến trúc; Xong thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình.

g. Dự án khu nhà vườn sinh thái nông nghiệp công nghệ cao Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Nội, Dự án khu đô thị Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Nội: Bám sát tình hình triển khai quy hoạch phân khu, làm việc với cơ quan chức năng của UBND TP Hà Nội để điều chỉnh dự án theo quy hoạch mới.

Các dự án do Công ty đầu tư vốn

- **Kế hoạch đầu tư năm 2012 của Công ty mẹ: 65,4 tỷ đồng (góp vốn vào các Công ty con)**

- **Kế hoạch đầu tư năm 2012 của các công ty con: 309,1 tỷ đồng**

+ Đầu tư dự án : 287,1 tỷ đồng;

+ Đầu tư thiết bị : 18 tỷ đồng;

+ Đầu tư tài chính : 4 tỷ đồng;

*** Dự án thủy điện Yantansien - Lâm Đồng**

- Xong quyết định phê duyệt cấp phép sử dụng nước mặt;
- Hoàn thành đền bù, GPMB tuyến ĐD 110kV.
- Thương thảo, ký kết HĐ mua bán điện với EVN.
- Cấp phép hoạt động Điện lực.
- Phát điện nhà máy vào quý 4/2012;

*** Dự án thủy điện Nậm He - Điện Biên**

- GPMB xong khu vực lòng hồ; xong cấp GCN quyền sử dụng đất.
- Ký kết hợp đồng gói thầu số NH03b-DOT: Gia công lắp đặt đường ống áp lực và Gói thầu NH04-LĐTĐ: Lắp đặt, hiệu chỉnh thiết bị nhà máy.
- Xong quyết định cấp phép sử dụng nước mặt, hoàn thiện thỏa thuận đầu nối với EVN.
- Thương thảo ký kết HĐ mua bán điện với EVN.
- Cấp phép hoạt động Điện lực.

*** Dự án thủy điện Tiên Thành - Cao Bằng**

- Tạm dừng thi công, tập trung giải quyết các thủ tục liên quan đến việc điều chỉnh công suất lắp máy sau khi có thỏa thuận của Bộ Công thương hiệu chỉnh quy hoạch; Trình phê duyệt đánh giá tác động môi trường; Phê duyệt dự án điều chỉnh.
- Tìm đối tác có nhu cầu và chuyển nhượng lại dự án.

*** Dự án thủy điện Sập Việt**

- Tạm dừng công tác thi công, tập trung GPMB và hoàn thiện các thủ tục pháp lý.
- Tìm đối tác có nhu cầu và chuyển nhượng lại dự án.

*** Dự án thủy điện Nậm Thi 1,2**

- Nậm Thi 2: Tạm dừng công tác thi công, tập trung hoàn thành các thủ tục công tác GPMB giai đoạn 2 (16 ha). Làm việc với ngân hàng giải ngân hợp đồng tín dụng.
- Tìm đối tác có nhu cầu và chuyển nhượng lại dự án.

*** Dự án thủy điện Nậm Sì Lường 4 & Nậm Sì Lường 3**

- Tạm giãn tiến độ, tập trung hoàn thiện phê duyệt công tác TK BVTC - TDT.
- Sau khi phê duyệt TDT, xúc tiến làm việc với NH về công tác ký kết HĐ vay vốn.

- Tìm đối tác có nhu cầu và chuyển nhượng lại dự án.

*** Dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ và nhà ở cao cấp An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội**

- Xúc tiến hoàn thành các thủ tục pháp lý với các Sở ban ngành TP Hà Nội.
- Lập và phê duyệt dự án đầu tư công trình kiến trúc.
- Xong thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình.

*** Dự án khu nhà vườn sinh thái nông nghiệp công nghệ cao Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Nội, Dự án khu đô thị Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Nội**

- Bám sát tình hình triển khai quy hoạch phân khu, có phương án xúc tiến làm việc với các cơ quan chức năng của UBND TP Hà Nội để sẵn sàng điều chỉnh dự án theo quy hoạch mới.

*** Dự án mỏ đá tại xã Hợp Hòa và xã Cư Yên – Lương Sơn – Hòa Bình**

- Xong xây dựng cơ bản mỏ, bóc phủ khai thác từ quý II/2012.

*** Dự án mỏ đá tại núi Sui xã Bình Thanh – Cao Phong – Hòa Bình**

- Tiến hành nốt các thủ tục khai thác còn thiếu;
- Xong hợp đồng thuê đất, giấy phép nổ mìn;
- Làm đường vào mỏ;
- Tiến hành đi vào khai thác và sản xuất đá dăm thành phẩm.

b- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Ngoài việc phát huy và giữ vững ngành nghề truyền thống là xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng, Công ty đang tiếp tục đầu tư dài hạn vào các Nhà máy thủy điện vừa và nhỏ để hoàn thành đưa vào khai thác vận hành, các dự án kinh doanh đô thị, bất động sản, cho phù hợp với xu thế hội nhập và phát triển của đất nước cũng như sự phát triển bền vững của Công ty.

Với tinh thần phát huy không ngừng những thành tựu đó đạt được, Công ty đang tiến tới xây dựng trở thành một công ty vững mạnh trong Tập đoàn Sông Đà lấy xây lắp và sản xuất vật liệu xây dựng là ngành nghề cốt lõi. Cụ thể:

- ✓ Phần đầu trở thành nhà thầu xây lắp lớn, có thể đảm nhận hình thức tổng thầu xây lắp đối với những công trình có quy mô tương đối lớn;
- ✓ Trở thành nhà đầu tư thủy điện lớn, đầu tư xây dựng vận hành và kinh doanh các nhà máy thủy điện trên toàn quốc do Công ty làm chủ đầu tư;
- ✓ Đầu tư khu công nghiệp và đô thị, kinh doanh hạ tầng và nhà ở;
- ✓ Giữ vững và phát huy mở rộng ngành nghề SXVL vừa để phục vụ xây lắp vừa để kinh doanh trên thị trường;
- ✓ Tham gia vào ngành nghề khai thác mỏ.

Với mục tiêu như vậy, Công ty hướng tới tỷ trọng ngành nghề trong năm 2015 như sau:

- ✓ Tỷ trọng giá trị kinh doanh xây lắp và phục vụ xây lắp chiếm khoảng 42% trong tổng giá trị SXKD (*giảm 18% so với năm 2010*);
- ✓ Tỷ trọng giá trị kinh doanh hạ tầng, điện thương phẩm, SXVL và kinh doanh khác chiếm 58% (*tăng 18% so với năm 2010*).

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2011.

Từ khi chuyển đổi sang hoạt động theo cơ chế của Công ty cổ phần. Công ty đã khẳng định được sự tồn tại và phát triển bền vững. Đội ngũ CBCNV đã từng bước được sắp xếp lại, ổn định. Trình độ về quản lý cũng như tay nghề của CBCNV không ngừng nâng cao đáp ứng sự đòi hỏi khốc liệt và ngày một khắt khe của thị trường.

Năm 2011 Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã hoàn thành một số chỉ tiêu chủ yếu song do các yếu tố về lạm phát, biến động trên thị trường tiền tệ làm cho lãi suất tăng cao khiến, sự khó khăn về vốn thanh toán của Tập đoàn điện lực Việt Nam dẫn đến công nợ và khối lượng dở dang tăng cao làm khoản chi phí tài chính tăng dẫn tới không đạt mục tiêu lợi nhuận theo chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Thu nhập bình quân của CBCNV tăng, chất lượng cuộc sống của CBCNV trong Công ty không ngừng được nâng cao.

II.1- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2011 (Công ty mẹ)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2011	TH 2011	TỶ LỆ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ³ đ	666.500.000	788.200.000	118%
2	Doanh thu	10 ³ đ	605.000.000	659.350.049	109%
3	Lợi nhuận	10 ³ đ	38.100.000	10.100.612	27%
4	Nộp ngân sách	10 ³ đ	6.300.000	8.300.000	132%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15%	14%	Dự kiến

II.2 - MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2011	TH 2011	TỶ LỆ HTKH
1	Tổng tài sản	10 ³ đ	1.100.000.000	1.116.089.322	101%
2	Nợ phải thu	10 ³ đ	450.750.000	507.085.619	112%
3	Nợ phải trả	10 ³ đ	742.811.053	777.590.630	105%
4	Vay ngắn hạn đến cuối kỳ	10 ³ đ	360.000.000	379.241.605	105%
5	Vay dài hạn đến cuối kỳ	10 ³ đ	16.622.625	16.662.625	100
6	Vốn chủ sở hữu	10 ³ đ	357.188.947	338.498.692	95%
7	Vốn điều lệ	10 ³ đ	90.000.000	90.000.000	100%
8	Các quỹ	10 ³ đ	36.249.348	36.249.348	100%
9	Thặng dư vốn	10 ³ đ	192.828.570	192.828.570	100%
10	Lợi nhuận chưa chia	10 ³ đ	38.100.000	19.411.356	50%
11	Tỷ lệ LN/VCSH	%	10,6	3	30%
12	Tỷ lệ LN/Doanh thu	%	6,3	1,5	24%
13	Thu nhập/1 cổ phiếu theo mệnh giá (EPS)			1.122	
14	Giá TT/Thu nhập (PE) tại ngày (31/12/2011)			7,3	

Năm 2011 cùng với việc nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng do khủng hoảng kinh tế toàn cầu, lạm phát gia tăng, biến động của thị trường tiền tệ làm cho lãi suất vay tăng cao nên dẫn đến chi phí tài chính tăng ảnh hưởng tới lợi nhuận tài chính. Công trình thủy điện Sơn La, Nậm Chiến bước vào giai đoạn cuối làm tăng chi phí sản xuất khiến giá vốn hàng bán tăng nhanh làm giảm mức lợi nhuận so với kế hoạch đề ra. Nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự phấn đấu của tập thể CBCNV trong Công ty, Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã cơ bản hoàn thành một số các chỉ tiêu theo Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

II.3-NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM:

1- Về đầu tư:

- Chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Đô thị Sông Đà 7 giá trị 61.2 tỷ đồng
- Tiếp tục góp vốn đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Nậm He - Điện Biên
- Tiếp tục góp vốn đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Yatansen – Lâm Đồng.

- Tạm dừng thi công Thủy điện Tiên Thành hoàn thiện thủ tục pháp lý để tập trung vốn cho dự án khác
- Thành lập Chi nhánh Hà Nội để thi công Khu đô thị Vườn Cam và các công trình xây lắp dân dụng tại Hà Nội
- Giải thể Công ty TNHH 1TV Sông Đà 707 để chuyển đổi thành Chi nhánh Sông Đà 707 trực tiếp thi công Thủy điện Nậm Chiến và Thủy điện Sơn La

2- Về chiến lược kinh doanh:

- Phát huy ngành nghề truyền thống cốt lõi của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng và xây lắp.
- Mở rộng và phát triển ngành nghề mới là: Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành các Nhà máy Thủy điện vừa & nhỏ, đầu tư tài chính vào các Công ty khác, đầu tư vào các dự án đô thị, các dự án khai thác quặng từ thiên nhiên, đầu tư vào các dự án phát triển vật liệu mới.
- Đa dạng hoá sản phẩm, giữ vững và phát huy thương hiệu Sông Đà 7 trên thị trường.

3- Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

a- Thị trường:

- *Về xây lắp:* Các công trình trọng điểm của Nhà nước và các địa bàn các tỉnh phía Bắc.
- *Về Thủy điện:* Tập trung đầu tư hoàn thành đưa vào vận hành, khai thác các dự án thủy điện Công ty đang làm chủ đầu tư.
- *Về đầu tư bất động sản:* Nghiên cứu kỹ thị trường bất động sản, lựa chọn thời điểm phù hợp để tập trung đầu tư vào một số dự án bất động sản tại Hà Nội nhằm mang lại hiệu quả cao cho Công ty trong xu thế hội nhập và phát triển của đất nước.

4- Mục tiêu:

- Cuối năm 2012 Công ty sẽ đưa quản lý và vận hành 02 nhà máy Thủy điện có công suất từ vừa và nhỏ là Thủy điện Yantansien và Thủy điện Nậm He
- Doanh thu hàng năm tăng từ 5 - 10%.
- Thu nhập bình quân của CBCNV tăng 10 - 15%/ năm.
- Cổ tức hàng năm ổn định mức từ 15- 18%.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

III.1 Báo cáo tài chính:

1. Khả năng sinh lời và khả năng thanh toán:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011
1.	Tỷ suất sinh lời			
1.1	Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần	%		

	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4,74	1,53
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,67	1,53
1.2	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3,85	1
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,85	1
1.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	38,75	11,22
2.	Khả năng thanh toán	Lần		
2.1	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,59	1,44
2.2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,84	0,97
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,84	0,76
3.	Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
3.1	Bố trí cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	59,4	36,7
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	40,6	63,3
3.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	63,1	69,6
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	36,9	30,4

2. Những biến động và thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến những biến động:

Đề phù hợp với xu hướng phát triển kinh doanh, năm 2011 Công ty cổ phần Sông Đà 7 có một số sự thay đổi về mặt cơ cấu tổ chức, nhân sự như sau:

2.1 Về tổ chức sản xuất:

- Công ty đã thành lập Chi nhánh Hà Nội để thi công khu đô thị Vườn Cam và một số công trình xây lắp tại khu vực Hà Nội.

- Giải thể Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 707 do Công ty CP Sông Đà 7 đầu tư 100% vốn điều lệ để chuyển thành Chi nhánh Sông Đà 707 trực tiếp thi công Thủy điện Nậm Chiến, Sơn La

2.2 Về tổ chức nhân sự:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty năm 2011 đã bầu Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2 gồm những ông bà sau:

Hội đồng quản trị:

+ Ông: Nguyễn Thông Hoa:

+ Ông: Nguyễn Khắc Tiến

+ Ông: Ninh Duy Phóng

+ Ông: Vũ Quang Dương.

+ Ông Nguyễn Hồng Trường.

Ông Nguyễn Thông Hoa đã được Hội đồng quản trị tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2

Ban kiểm soát:

+ Ông Vũ Đức Quang

+ Ông: Phạm Minh Thuận

+ Ông: Nguyễn Văn Việt

Ông Vũ Đức Quang đã được Ban kiểm soát bầu làm Trưởng ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2.

- Ông Lê Vĩnh Giang được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Công ty

Giá trị tổng tài sản theo sổ sách trên bảng cân đối tại thời điểm 31/12/2011: 1.116.089.322.902 đồng.

3. Những thay đổi về vốn cổ đông:

4. Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

- Cổ phiếu phổ thông: 9.000.000 cổ phiếu.

5. Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Công ty không phát hành trái phiếu.

6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

- Cổ phiếu phổ thông: 9.000.000 cổ phiếu

7. Cổ tức năm 2011: Dự kiến 12.600.000.000 đồng (Tỷ lệ chia cổ tức là 14%).

III.2 Báo cáo kết quả kinh doanh: (ĐVT: 10³ đồng).

T T	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2010	Kế hoạch năm 2011	Thực hiện năm 2011	Tỷ lệ HT	Kế hoạch năm 2012
1	Tổng GTSX	865.584.353	666.500.000	788.200.000	118%	877.700.000
2	Tổng doanh thu	828.165.723	635.000.000	659.350.050	109%	765.500.000
3	Lợi nhuận	36.270.596	38.100.000	10.100.611	27%	26.60.000
4	Thu nhập CBCNV	6.591	6.700	9.882	145%	6.800

III.3 Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức , chính sách, quản lý và biện pháp kiểm soát:

a. Về cơ cấu tổ chức: Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 7, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Thông Hoa: Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Khắc Tiến: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc điều hành.
- Ông Ninh Duy Phóng: Thành viên HĐQT
- Ông Vũ Quang Dưỡng: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Hồng Trường: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng công ty

b. Chính sách, quản lý và kiểm soát:

Trong năm 2011 mặc dù gặp nhiều khó khăn do thị trường luôn thay đổi. Nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự phấn đấu không ngừng của tập thể CBCNV Công ty nên Công ty cổ phần Sông Đà 7 đã hoàn thành đa số các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời bố trí, sắp xếp kiện toàn lại bộ máy cụ thể như sau:

- Công ty đã bố trí sắp xếp lại tổ chức sản xuất từ phòng ban đến các đơn vị trực thuộc phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.
- Bổ sung, thay đổi các quy chế quy định trong từng lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa tính tự chủ, chủ động, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, giảm chi phí để nâng cao cổ tức cho cổ đông.
- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ quản lý, tay nghề đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD của Công ty.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án của Công ty, đặc biệt quan tâm đến các dự án thủy điện.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán *(Có báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo).*

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN (CÓ BÁO CÁO KIỂM TOÁN KÈM THEO).

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

1. Ý kiến của kiểm toán độc lập:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Sông Đà 7*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 7**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được lập ngày 16 tháng 02 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 10 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2012

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**

TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

NGÔ ĐỨC ĐOÀN
Chứng chỉ KTV số : Đ.0052/KTV

NGUYỄN QUANG HUY
Chứng chỉ KTV số : 1126/KTV

2. Kiểm toán nội bộ: Công ty không có kiểm toán nội bộ.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

A. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/ vốn góp của tổ chức, công ty

1. Công ty cổ phần Sông Đà 7.02: Vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng Công ty cổ phần Sông Đà 7 góp vốn là: 40.475.150.000 đồng nắm giữ 67,5% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2011 Công ty CP Sông Đà 7 đã góp: 40.475.150.000.đ
2. Công ty cổ phần Sông Đà 7.04: Vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng Công ty cổ phần Sông Đà 7 góp vốn là: 31.200.000.000 đồng nắm giữ 52% vốn điều lệ.
3. Công ty cổ phần thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên: Vốn điều lệ 180.000.000.000 đồng Công ty cổ phần Sông Đà 7 góp 36.000.000.000 đồng nắm giữ 20% vốn điều lệ (Đang tiến hành góp vốn theo giai đoạn. Tính đến thời điểm 31/12/2011 Công ty đã góp được là: 30.000.000.000 đồng).
4. Công ty TNHH 1TV Sông Đà 7.06: Vốn điều lệ 130.000.000.000 đồng. Công ty cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 100% Vốn điều lệ (Đang tiến hành góp vốn theo giai đoạn. Tính đến thời điểm 31/12/2011 Công ty đã góp được là: 47.648.356.680 đồng).
5. Công ty Cổ phần thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7: Vốn điều lệ: 120 tỷ đồng: Công ty cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 76% Vốn điều lệ (Đang tiến hành góp vốn theo giai đoạn. Tính đến thời điểm 31/12/2011 Công ty đã góp được là: 54.456.318.975. đồng).
6. Công ty TNHH 1TV Sông Đà 701 : Vốn điều lệ: 10.000.000.000.đồng, Công ty Cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 100% Vốn điều lệ.
7. Công ty TNHH 1TV Sông Đà 705: Vốn điều lệ: 15.000.000.000. đồng. Công ty Cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 100% Vốn điều lệ.
8. Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn : Vốn điều lệ: 50.000.000.000. đồng. Công ty Cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 98.5% Vốn điều lệ. Tính đến thời điểm 31/12/2011 Công ty Cổ phần Sông Đà 7 đã góp 49.250.000.000. đồng.
9. Công ty Cổ Phần Sông Đà 8: Vốn điều lệ: 28.000.000.000. đồng. Công ty Cổ phần Sông Đà 7 nắm giữ 51.4% Vốn điều lệ.

Ngoài ra Công ty đang tiến hành góp vốn, đầu tư tài chính vào một số Công ty khác dưới dạng đầu tư liên doanh liên kết, đầu tư khác như Thủy điện Nho Quế;, Công ty cổ phần sắt Thạch Khê, Công ty TNHH Hoá chất- muối mỏ Việt Lào.....

B. Công ty/tổ chức có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp vào Sông Đà 7: Không

VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ:

VII.1 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY:

1- Cơ cấu tổ chức của Công ty từ khi thành lập Công ty cổ phần:

A- Bộ máy điều hành:

a- Ban giám đốc.

b- Các phòng chức năng:

1. Phòng Tổ chức hành chính.
2. Phòng Tài chính kế toán
3. Phòng Kinh tế kế hoạch
4. Phòng Quản lý Kỹ thuật
5. Phòng Quản lý cơ giới
6. Phòng đầu tư.

2- Các thay đổi về tổ chức sản xuất trong năm:

- Tháng 10/2011 Công ty đã giải thể Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 707 do Công ty CP Sông Đà 7 nắm giữ 100% vốn điều lệ để chuyển đổi thành Chi nhánh Sông Đà 707 trực thuộc Công ty trực tiếp thi công Thủy điện Nậm Chiến, Sơn La.

- Tháng 10/2011 thành lập Chi nhánh Hà Nội trực thuộc Công ty để trực tiếp thi công Khu đô thị Vườn Cam và các công trình xây lắp tại Hà Nội.

VII.2 TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA CÁC CÁ NHÂN TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

1- Nguyễn Khắc Tiến

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/12/1958

Nơi sinh: Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đồng Quang – Quốc Oai – Hà Nội

Địa chỉ thường trú:

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022. 830928

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD Thủy lợi

Quá trình công tác :

- * Từ 1974 – 1979 Học nghề tại Liên Xô
- * Từ 1979 – 1985 Làm công nhân tại Công trình ngầm
- * Từ 1985 – 1992 Làm Đội trưởng tại Công ty Công trình ngầm
- * Từ 1992 – 1997 Làm Kỹ thuật tại Công trình ngầm
- * Từ 1997 – 2002 Làm PGĐ XN Sông Đà 705

- * Từ 2002 – 2005 Làm GĐXN Sông Đà 705
- * Từ 2005 đến tháng 4/2007 làm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.
- * Từ tháng 4/2007 đến nay làm Tổng giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7 – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7

2- Vũ Quang Dưỡng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/01/1955

Nơi sinh: Quỳnh Hưng - Quỳnh Phụ - Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quỳnh Hưng - Quỳnh Phụ - Thái Bình

Địa chỉ thường trú: P.107 – E13 – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022. 830856

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Quá trình công tác:

- * Từ 1972 – 1977 Bộ đội – Phục vụ trong các đơn vị thuộc QK3, QĐ2
- * Từ 1977 – 1982 Sinh viên trường Đại học Xây dựng Hà Nội
- * Từ 1982 – 1988 Kỹ sư XD – CB KT, Đội trưởng, PGĐXN Cty XD Thủy công
- * Từ 1988 – 1989 Kỹ sư XD - Đội trưởng - Đoàn Badush – Iraq
- * Từ 1990 – 1993 Kỹ sư XD – PGĐ CN Công ty Thủy công tại Italy
- * Từ 1993 – 2003 Kỹ sư XD – PGĐ XN, PGĐ Công ty, GĐ Công ty SĐ 4 tại Yaly
- * Từ 2003 – 2004 Kỹ sư XD – PGĐ BĐH DA Thủy điện Tuyên Quang.
- * Từ 2004 – 2010 Kỹ sư XD – PTGD Công ty Cổ phần Sông Đà 7, Giám đốc Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7 – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn

3 - Nguyễn Văn Bút

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/9/1958

Nơi sinh: Văn Phú – Thường Tín – Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Văn Phú – Thường Tín – Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Tổ 26 – P. Tân Thịnh – TP Hoà Bình – Tỉnh Hoà Bình

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022. 830929

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Quá trình công tác:

* Từ 1983 – 1984 Làm kỹ thuật

* Từ 1985 – 1986 Làm Phó phòng QLCG Công ty Sông Đà 7

* Từ 1987 – 1989 Làm Phó Quản đốc các phân xưởng S/c bê tông

* Từ 1990 – 1993 Làm PGĐ Xí nghiệp

* Từ 1994 – 2001 Làm PGĐXN sau đó làm Trưởng phòng QLCG

* Từ 2002 làm PGĐ Công ty Sông Đà 7

* Công tác liên tục ở Công ty Sông Đà 7 từ 1983 đến nay

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7,
Chủ tịch Công ty TNHH Sông Đà 701

4- Trình Quang Thanh

1. Họ và tên : Trịnh Quang Thanh

2. Giới tính : Nam

3. Ngày, tháng, năm sinh : 31/12/1956

4. Nơi sinh : Xuân Hồng, Xuân Trường, Nam Định

5. Quốc tịch : Việt Nam

6. Số CMTND/Hộ chiếu : 113439309, Cấp ngày 30/11/2007 Nơi cấp Hoà Bình

7. Dân tộc : Kinh

8. Quê quán : xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định

9. Địa chỉ thường trú : Phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

10. Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 0223.830928

11. Trình độ văn hoá : 10/10

12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng thủy lợi

13. Quá trình công tác:

➤ Từ 01/1979 - 7/1983: Cán bộ kỹ thuật - XN bê tông nghiên sàng-Tổng công ty XD TĐ Sông Đà

➤ Từ 7/1983 - 8/1984 : P/phòng thi công - XN bê tông nghiên sàng-Tổng công ty XD TĐ Sông Đà

- Từ 8/1984 - 01/1990: Trưởng phòng thi công - Cty SXVL XD-Tổng công ty XD TĐ Sông Đà
- 01/1990 - 10/1995: Trưởng phòng kinh tế- Cty SXVL XD-Tổng công ty XD TĐ Sông Đà
- Từ 10/1995 - 12/2005: Phó giám đốc Công ty Sông Đà 7
- Từ 01/2006 - 9/2006: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
- Từ 10/2006 - 3/2010: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà - Hoàng Liên
- Từ 4/2010 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7; Chủ tịch HĐQT Công ty CP TĐ Cao nguyên Sông Đà 7; UV HĐQT Công ty CP Sông Đà 704.

5. Đồ Viết Chuyên;

1. Họ và tên : Đồ Viết Chuyên
2. Giới tính : Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh : 03/10/1958
4. Nơi sinh : Cổ Lễ, Trực Ninh, Nam Định
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Số CMTND/Hộ chiếu : 168322.376, Cấp ngày 30/11/2007 Nơi cấp Nam Định
7. Dân tộc : Kinh
8. Quê quán : Cổ Lễ, Trực Ninh, Nam Định
9. Địa chỉ thường trú : Số 11 lô 4 Hồ Atake tổ 37b Thanh lương, Hai bà Trưng, Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 0223.830928
11. Trình độ văn hoá : 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng thủy lợi
13. Quá trình công tác:
 - Từ 1988 - 1990: Đốc công phân xưởng nghiền sàng - XN bê tông nghiền sàng-Tổng công ty XD TĐ Sông Đà
 - Từ 1990 - 1994 : Phó giám đốc Xí nghiệp – Công ty Thủy điện Vĩnh Sơn Tổng công ty XD TĐ Sông Đà
 - Từ 1994 - 1997: Đội trưởng đội sắt hàn Công ty Sông Đà 8-Tổng công ty XD TĐ Sông Đà
 - 1997 - 2005: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 807, Công ty Sông Đà 8, Tổng công ty Sông Đà.
 - Từ 2005 - 2007: Phó giám đốc Công ty Sông Đà 8, Tổng công ty Sông Đà.
 - Từ 2009 - 2009: Tổng giám đốc Công ty CP Thủy điện Sơn Trà, Sông Đà

- Từ 2009- 2010: Công tác tại Trưởng CNKT Việt Xô, Sông Đà
 - Từ 4/2010 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7
- Chức vụ công tác hiện nay:** Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7;

6. Lê Vĩnh Giang

1. Họ và tên : Lê Vĩnh Giang
2. Giới tính : Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh : 06/06/1972
4. Nơi sinh : Vĩnh Kiên, Yên Bình, Yên Bái
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Số CMTND/Hộ chiếu : 012036936, Cấp ngày 22/5/1997 Nơi cấp Hà Nội
7. Dân tộc : Kinh
8. Quê quán : Yên Sơn Đô Lương, Nghệ An
9. Địa chỉ thường trú : Số 1 Ngõ 495, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
10. Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 0913053930
11. Trình độ văn hoá : 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng thủy lợi
13. Quá trình công tác:
 - Từ 1993 - 1992: Cán bộ kỹ thuật Công ty Sông Đà 12, Tổng công ty Sông Đà
 - Từ 1996-2002: Cán bộ kỹ thuật, Phòng quản lý kỹ thuật Tổng công ty Sông Đà
 - Từ 2002-2004: Phó giám đốc Ban điều hành thi công xây dựng đường Hồ Chí Minh Tổng công ty Sông Đà
 - 2004-2007: Giám đốc Ban điều hành thi công xây dựng đường Hồ Chí Minh, Tổng công ty Sông Đà
 - Từ 2007-2008: Học MBA tại vương Quốc Anh
 - Từ 2009 - 2010: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 8
 - Từ 4/2010 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 8

7- Nguyễn Hồng Trường

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/8/1981.

Nơi sinh: Liên Quan - Thạch Thất - Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Liên Quan - Thạch Thất - Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Liên Quan - Thạch Thất - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022.830925

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT

Quá trình công tác:

* Từ 1999 – 2003: Sinh viên Học viện Tài Chính.

* Từ tháng 7/2003 – 11/2006: Công tác tại phòng TCKT – Công ty CP Sông Đà 7

* Từ 12/2006 – 7/2007: Làm phó Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 7.

* Từ 8/2007 đến nay: Làm Kế toán trưởng công ty cổ phần Sông Đà 7

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty, Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 7; Chủ tịch Công ty TNHH 1TV Sông Đà 709.

VII.3- QUYỀN LỢI CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

Các chế độ về lương, thưởng và các quyền lợi khác của các thành viên trong Ban giám đốc được hưởng theo Quy chế nội bộ của Công ty đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt trên nguyên tắc hưởng theo lao động và theo các Quy định chung của Nhà nước và của Tổng công ty. Riêng tiền lương của Tổng giám đốc điều hành được hưởng theo Hợp đồng thuê Giám đốc được ký kết giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc điều hành trên các tiêu chí về kết quả SXKD và đời sống của người lao động.

VII.4 SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.

1. Số lượng cán bộ công nhân viên đến thời điểm 31/12/2011: Tổng số CBCNV: 501 người.

2. Các chính sách đối với người lao động:

- Công ty đã xây dựng và ban hành các Quy chế, quy định nội bộ nhằm thu hút cán bộ có trình độ, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, trẻ, khoẻ, đồng thời xử lý nghiêm minh các vi phạm về kỷ luật lao động.

- Đảm bảo đầy đủ về chế độ cho người lao động theo Luật định.

- Quan tâm đến đời sống của CBCNV kể cả về vật chất lẫn tinh thần.

VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

VIII.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1- Nguyễn Thông Hoa

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/10/1957

Nơi sinh: Xã Tự Nhiên - Thường Tín - Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Tự Nhiên - Thường Tín - Hà Nội.

Địa chỉ thường trú: Phường Phương Lâm – TP. Hoà Bình – Tỉnh Hoà Bình

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068-69

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy Lợi

Quá trình công tác :

* Từ 1974 – 1978: Học tại Liên Xô

* Từ 1978 – 1985: Công ty thủy công

* Từ 1985 – 1992: Chủ công trình gian máy

* Từ 1992 – 1997: Phó giám đốc Xí nghiệp thủy công

* Từ 1997 – 2000: Giám đốc Xí nghiệp xây lắp 1

* Từ 2000 – 2002: Trưởng phòng quản lý kỹ thuật Công ty cổ phần Sông Đà 7.

* Từ 2002 – tháng 7/2007: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 701.

* Từ tháng 7/2007 đến 3/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.

* Từ tháng 4/2013 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 7

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước nắm giữ: 1.048.000.CP

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

b. Thành viên Hội đồng quản trị:

*** Thành viên thứ nhất:**

Họ và tên: **NGUYỄN KHẮC TIẾN**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/12/1958

Nơi sinh: Đồng Quang - Quốc Oai - Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đồng Quang - Quốc Oai - Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Đồng Quang - Quốc Oai - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068-69

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD Thủy lợi

Quá trình công tác :

- * Từ 1974 – 1979 Học nghề tại Liên Xô
- * Từ 1979 – 1985 Làm công nhân tại Công trình ngầm
- * Từ 1985 – 1992 Làm Đội trưởng tại Công ty Công trình ngầm
- * Từ 1992 – 1997 Làm Kỹ thuật tại Công trình ngầm
- * Từ 1997 – 2002 Làm PGĐ XN Sông Đà 703
- * Từ 2002 – 2005 Làm GĐXN Sông Đà 705
- * Từ 2005 đến tháng 4/2007: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7.
- * Từ tháng 4/2007 đến nay: Tổng giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 7 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 807.486

Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước : 803.500.CP

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 3.986.CP

Số cổ phần của những người có liên quan: không

*** Thành viên thứ hai:**

Họ và tên: **VŨ QUANG DƯỠNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/01/1955

Nơi sinh: Quỳnh Hưng - Quỳnh Phụ - Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quỳnh Hưng – Quỳnh Phụ – Thái Bình

Địa chỉ thường trú: P. 107 – E13 – Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068-69

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- * Từ 1972 – 1977 Bộ đội – Phục vụ trong các đơn vị thuộc QK3, QĐ2
- * Từ 1977 – 1982 Sinh viên trường Đại học Xây dựng Hà Nội
- * Từ 1982 – 1988 Kỹ sư XD – CB KT, Đội trưởng, PGĐXN Cty XD Thủy công
- * Từ 1988 – 1989 Kỹ sư XD - Đội trưởng - Đoàn Badush – Iraq
- * Từ 1990 – 1993 Kỹ sư XD – PGĐ CN Công ty Thủy công tại Italy

* Từ 1993 – 2003 Kỹ sư XD – PGĐXN, PGĐ Công ty, GD Công ty SD 4 tại Ialy

* Từ 2003 – 2004 Kỹ sư XD – PGĐ BDHDA Thủy điện Tuyên Quang

* Từ 2004 đến nay Kỹ sư XD – PGĐ Công ty Sông Đà 7 tại Sơn La

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty – Thành viên Hội đồng quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 14.198

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

* **Thành viên thứ ba:**

Họ và tên: **NINH DUY PHÓNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1964

Nơi sinh: Yên Ninh – Ý Yên – Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Yên Ninh – Ý Yên – Nam Định

Địa chỉ thường trú: Hạ Đình – Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế ô tô

Quá trình công tác:

+ Từ năm 1989 đến nay công tác tại Tập đoàn Sông Đà

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc BDHAD Thủy điện Sơn La – Thành viên hội đồng quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước nắm giữ: 349.400. CP

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

* **Thành viên thứ tư:**

Họ và tên : **NGUYỄN HỒNG TRƯỜNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/8/1981.

Nơi sinh: Liên Quan – Thạch Thất – Hà Tây.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Liên Quan – Thạch Thất – Hà Tây

Địa chỉ thường trú: Liên Quan – Thạch Thất – Hà Tây

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068-69

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT

Quá trình công tác:

* Từ 1999 – 2003: Sinh viên Học viện Tài Chính.

* Từ tháng 7/2003 – 11/2006: Công tác tại phòng TCKT – Công ty CP Sông Đà 7

* Từ 12/2006 – 7/2007: Phó Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7.

* Từ 8/2007 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty; Chủ tịch Công ty TNHH Sông Đà 706; Chủ tịch Công ty TNHH 1TV Sông Đà 709;

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước nắm giữ: 349.400. CP

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 5.235. CP

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

2. BAN KIỂM SOÁT:

*** Thành viên thứ nhất - Trưởng ban kiểm soát:**

Họ và tên: **VŨ ĐỨC QUANG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/08/1967

Nơi sinh: TT Nho Quan – Ninh Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: TT Nho Quan – Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: Tổ 100 - P. Hoàng Cầu - P. Ô Chợ Dừa - Đống Đa - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 022.830.721

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT

Quá trình công tác:

+ Từ năm 1991 đến nay công tác tại Tổng công ty Sông Đà

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng BDH DA HH4 của Tập đoàn Sông Đà :Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần đại diện vốn nhà nước : 174.500 CP

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ hai:**

Họ và tên: **PHẠM MINH THUẬN**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14/08/1976

Nơi sinh: Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam

Địa chỉ thường trú: P. 203 Nhà 17 T10, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Cầu giấy, Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437878230

Trình độ văn hoá: 12/12

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Trình độ chuyên môn: Cử nhân TCKT

Số cổ phần nắm giữ: 0

Số cổ phần của những người có liên quan: 0

Quá trình công tác:

+ Từ 1998 - 2001 Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Sông Đà 7

+ Từ 2002 - 2003 Phó Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 7

+ Từ 2003 - 2004 Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 4

+ Từ 2005 - 2006 Phó kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 7.

+ Từ 2006 - 2008 Phó Kế toán trưởng Tổng công ty Sông Hồng

+ Từ 2009 - nay Phó Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7.

Chức vụ hiện nay: Phó Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7, Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 7.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: 0

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

*** Thành viên thứ ba:**

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN VIỆT**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/09/1965

Nơi sinh: Tân Phú – Quốc Oai – Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tân Phú – Quốc Oai – Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Khu tập thể điện A-Văn Khê- Hà Đông – Hà Nội.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437959068

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác lộ thiên

Quá trình công tác:

+ Từ 1993 đến 2000: Công tác tại Công ty Sông Đà 10

+ Từ 2000 đến 2002 : Công tác tại Công ty Sông Đà 10

+ Từ 2002 đến 2009 : Công tác tại Công ty Cổ phần Sông Đà 10

+ Tháng 2009 đến nay: Trưởng phòng Kinh tế - Công ty cổ phần Sông Đà 7

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng kinh Tế Công ty Cổ phần Sông Đà 7

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ: Không

Số cổ phần của những người có liên quan: Không

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT; BAN KIỂM SOÁT.

3.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Ngay từ đầu năm Hội Đồng quản trị đã xây dựng chương trình công tác cho năm 2011, chương trình công tác hàng quý và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Hội đồng quản trị họp mỗi quý một lần để kiểm tra tình hình thực hiện công việc của từng thành viên cũng như Ban Giám đốc điều hành và xây dựng kế hoạch sản xuất ở quý tiếp theo giao Ban tổng Giám đốc thực hiện.

- Công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị mang tính chiến lược với các mục tiêu kế hoạch dài hạn, đồng thời chỉ đạo sát sao trong từng kỳ báo cáo. Chỉ đạo điều hành các đơn vị thành viên(Công ty con, công ty TNHH MTV) tuân thủ điều lệ công ty, điều lệ công ty con, Luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

- Xây dựng các biện pháp cụ thể và tập trung chỉ đạo Công ty tổ chức sản xuất, huy động tối đa nguồn lực triển khai thực hiện, khẳng định được sự tồn tại và phát triển bền vững.

- Trong năm 2011, trên cơ sở các quy định mới ban hành của nhà nước liên quan đến hoạt động SXKD của công ty, Hội đồng quản trị đã ban hành kịp thời các quy chế quản lý nội bộ, các dự án đầu tư, bộ máy tổ chức, nhân sự... tạo điều kiện để ban Giám đốc điều hành triển khai công việc.

3.2. Hoạt động của Ban kiểm soát.

Với nguyên tắc chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty, lấy ngăn chặn phòng ngừa làm mục tiêu chính ; đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các mục tiêu

chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2011 bao gồm cụ thể như sau :

1. Lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác năm 2011 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban kiểm soát Công ty.
 2. Kiểm soát việc ban hành các hệ thống quản lý nội bộ: Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát trước và sau khi Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ; tham gia đóng góp ý kiến ngay trong quá trình dự thảo.
 3. Thực hiện kiểm tra giám sát tính phù hợp về thẩm quyền trong việc ban hành quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty; trình tự ban hành các văn bản của Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.
 4. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến về công tác sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 5. Hàng quý sau mỗi kỳ quyết toán. Ban kiểm soát thực hiện thẩm định, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của ban Giám đốc, thẩm định báo cáo tài chính của Công ty; đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.
 6. Tổ chức thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty năm 2011; báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011; báo cáo tài chính năm 2011.
 7. Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự trong công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- * Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty.
- Hội đồng quản trị tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, đề ra các chủ trương, kế hoạch, giải pháp giao cho Ban giám đốc tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các nội dung trên.
 - Yêu cầu Ban giám Đốc điều hành thường xuyên báo cáo việc thực hiện các nhiệm vụ để chỉ đạo cũng như đưa ra các điều chỉnh cần thiết cho phù hợp .
 - Hội đồng quản trị cần phân công rõ ràng từng lĩnh vực phụ trách cho các thành viên để nâng cao hơn hiệu quả của công tác quản lý.
 - Mức thù lao áp dụng đối với thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2011:
- + Chủ tịch hội đồng quản trị (Hoạt động chuyên trách): 40.000.000 đồng/tháng.

- + Thành viên hội đồng quản trị (Hoạt động kiêm nhiệm): 8.000.000 đồng/tháng.
- + Trưởng Ban kiểm soát (Hoạt động kiêm nhiệm): 8.000.000 đồng/tháng.
- +Thành viên Ban kiểm soát: 6.000.000 đồng/tháng.

Thù lao được quyết toán theo tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT trong năm 2011 là 912.240.000 đồng, cụ thể như sau

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		699.840.000	
1	Nguyễn Thông Hoa	Chủ tịch HĐQT	388.800.000	
2	Nguyễn Khắc Tiến	Ủy viên HĐQT	77.760.000	
3	Vũ Quang Dương	Ủy viên HĐQT	77.760.000	
4	Ninh Duy Phóng	Ủy viên HĐQT	77.760.000	
5	Nguyễn Hồng Trường	Ủy viên HĐQT	77.760.000	
II	Ban Kiểm soát		194.400.000	
1	Vũ Đức Quang	Trưởng BKS	77.760.000	
2	Phạm Văn Hoạt	Thành viên BKS	18.000.000	
3	Phạm Minh Thuận	Thành viên BKS	40.320.000	
4	Nguyễn Văn Việt	Thành viên BKS	58.320.000	
III	Thư ký Công ty		18.000.000	
1	Nguyễn Tiến Dũng	Thư ký Công ty	18.000.000	
	Tổng cộng		912.240.000	

D. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã có chứng chỉ về đào tạo quản trị công ty: 04 người

E. Thông tin các giao dịch cổ phiếu, chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Thông tin về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và những người có liên quan:

Cổ đông lớn: không có giao dịch

Cổ đông nội bộ và những người có liên quan:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	
			01/01/2011	31/12/2011
1	Tập đoàn Sông Đà	Cổ đông sáng lập	2.724.800	2.724.800
2	Nguyễn Hồng Trường	Cổ đông sáng lập - Chủ tịch HĐQT	9.230	9.230
2	Nguyễn Khắc Tiến	Ủy viên HĐQT	3.986	3.986
3	Vũ Quang Dương	Cổ đông sáng lập - Ủy viên HĐQT	14.198	14.198
4	Nguyễn Văn Bút	Phó Tổng giám đốc	51	51

G. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên Ban kiểm soát:

- Chi phí hoạt động của Hội đồng của Hội đồng quản trị như: Chi phí hoạt động của văn phòng Hội đồng quản trị, chi phí tổ chức các phiên họp, công tác phí phục vụ cho công việc của Công ty được tính vào chi phí chung của công ty trên cơ sở hợp lý và có hoá đơn chứng từ hợp lệ theo nguyên tắc kế toán tài chính của Công ty.

VIII.2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông đến 23/02/2012

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	SL CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
I	Cổ đông trong nước	3.046	8.698.103	96,65%
1	Cá nhân	2.995	4.909.994	54,56%
2	Tổ chức	51	3.788.109	42,1%
	Trong đó: Cổ đông lớn Tập đoàn Sông Đà		2.724.800	30,3%
II	Cổ đông nước ngoài	74	301897	3,35%
1	Cá nhân	70	215.348	2,39%
2	Tổ chức	04	86.549	0,96%
	Tổng cộng		9.000.000	100%

2.1 Cổ đông Nhà nước

Tên cổ đông: Tập đoàn Sông Đà

Địa chỉ: Nhà G10, Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng

Số lượng cổ phần sở hữu: 2.724.800 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu: 30,3%

2.2. Cổ đông sáng lập

a. Tập đoàn Sông Đà (Như trên)

b. Ông Nguyễn Sỹ Cát

Họ và tên: Nguyễn Sỹ Cát

Ngày tháng năm sinh: 03/09/1959

Địa chỉ thường trú: P. Văn Mỗ – TX Hà Đông – Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi – CN Luật

Số lượng cổ phần sở hữu: 9.230 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu: 0,1%

Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần trong năm 2011: Không

c. Ông Vũ Quang Dưỡng

Họ và tên: Vũ Quang Dưỡng

Ngày tháng năm sinh: 21/01/1955

Địa chỉ thường trú: P. 107 - E13 - Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0437871916

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Số lượng cổ phần sở hữu: 14.198

Tỷ lệ sở hữu: 0,16%

Những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần trong năm 2011: Không

2.3 Cổ đông nước ngoài: Công ty không có cổ đông lớn là cổ đông nước ngoài

IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC:

IX.1 NHỮNG ĐÓNG GÓP VÀ CAM KẾT ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Chia sẻ tinh thần và thành quả vật chất với cộng đồng và xã hội luôn được Công ty cổ phần Sông Đà 7 quan tâm như một trách nhiệm đối với xã hội, đặc biệt cho sự nghiệp giáo dục và chăm lo cho người nghèo, có hoàn cảnh khó khăn.

Với truyền thống của Tập đoàn Sông Đà Công ty Cổ phần Sông Đà 7 luôn quan tâm đến đời sống của CB CNV cũng như gia đình của họ. Hàng năm căn cứ

vào kết quả học tập của các cháu con em CBNCV, công ty tổ chức trao học bổng Sông Đà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập.

IX.2 ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư được chú trọng thông qua việc duy trì sự phát triển liên tục và bền vững. Công ty chủ động công bố thông tin định kỳ và kịp thời với tính chính xác và minh bạch cao. Đồng thời, công ty mong muốn tiếp nhận các ý kiến đóng góp từ phía các cổ đông.

IX.3 ĐỐI VỚI CB CNV.

Trân trọng sự đóng góp của nhân viên là mục tiêu trong chính sách nhân sự của Công ty. Tạo môi trường làm việc thân thiện nhằm khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

Các chương trình đào tạo được Công ty quan tâm nhằm nâng cao trình độ quản lý của các cán bộ cấp cao nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển trong xu thế hội nhập.

Các chính sách khen thưởng, đãi ngộ xứng đáng và kịp thời luôn được chú trọng xây dựng và áp dụng để nhân viên ý thức được thành quả của công ty là thành quả của chính mình.

Sơn La, ngày 20 tháng 3 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2011

(Đã được kiểm toán)



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of **HLB** International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	6-28
Bảng cân đối kế toán	5-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.	10-28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7 (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sông Đà 7, tên giao dịch quốc tế Song Da 7 Joint Stocks Company, viết tắt là Song Da 7 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng V/v chuyển Công ty Sông Đà 7 thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 224.03.000081 lần đầu ngày 29/12/2005 và thay đổi lần thứ mười ngày 05/05/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, số đăng ký kinh doanh thay đổi là 5400105091.

Vốn điều lệ của Công ty là 90.000.000.000 đồng, được chia thành 9.000.000 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là :

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, nhà ở và xây dựng khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông;
- Trang trí nội ngoại thất công trình, tạo kiến trúc cảnh quan công trình;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Xây dựng các công trình thông tin, bưu điện, xây dựng hầm lò, đường hầm;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lắp đặt;
- Khai thác mỏ, khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình, xử lý chống thấm, đóng cọc móng, khoan khai thác nước;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giấy;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh nhà, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Kinh doanh, tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đầu tư, xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ; SXKD điện thương phẩm;
- Xuất, nhập khẩu hàng hóa, vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ thi công các công trình xây dựng,
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:

Ông :	Nguyễn Thông Hoa	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Khắc Tiến	Ủy viên
Ông :	Vũ Quang Dương	Ủy viên
Ông :	Nguyễn Hồng Trường	Ủy viên
Ông :	Ninh Duy Phóng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông :	Nguyễn Khắc Tiến	Tổng Giám đốc
Ông :	Vũ Quang Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Văn Bút	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Trịnh Quang Thạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Phạm Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Lê Vĩnh Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Đỗ Viết Chuyên	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Sơn La, ngày 16 tháng 02 năm 2012

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN KHẮC TIẾN



Số: *63* /2012/BC.TC-AASC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Sông Đà 7*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 7**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 được lập ngày 16 tháng 02 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 10 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2012

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**



NGÔ ĐỨC ĐOÀN

Chứng chỉ KTV số : Đ.0052/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN QUANG HUY

Chứng chỉ KTV số : 1126/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN				
100	A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)		705.612.109.935	382.123.896.515
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	6.125.285.292	76.520.967.993
111	1. Tiền		6.125.285.292	46.520.967.993
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	21.575.000.000	33.433.234.607
121	1. Đầu tư ngắn hạn		21.575.000.000	35.937.351.600
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	(2.504.116.993)
130	III. Các khoản phải thu		507.085.619.292	268.028.311.632
131	1. Phải thu của khách hàng		138.359.995.242	69.464.449.745
132	2. Trả trước cho người bán		19.079.124.800	21.649.039.000
135	5. Các khoản phải thu khác	V.3	349.646.499.250	176.914.822.887
140	IV. Hàng tồn kho	V.4	155.938.815.799	-
141	1. Hàng tồn kho		155.938.815.799	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.887.389.552	4.141.382.283
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		353.408.457	72.791.711
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.624.126.311	62.881.015
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.5	11.909.854.784	4.005.709.557
200	B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)		410.477.212.967	559.709.360.757
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		75.322.514.303	62.704.260.291
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	40.578.077.029	31.396.326.589
222	- Nguyên giá		69.419.026.631	52.105.229.733
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(28.840.949.602)	(20.708.903.144)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.7	34.744.437.274	31.307.933.702
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		332.394.313.764	496.390.571.732
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.8	283.283.170.655	450.629.861.732
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.9	66.337.351.600	55.400.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	V.10	(17.226.208.491)	(9.639.290.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.760.384.900	614.528.734
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	2.760.384.900	614.528.734
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		<u>1.116.089.322.902</u>	<u>941.833.257.272</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NGUỒN VỐN				
300	A. Nợ phải trả (300=310+330)		777.590.630.545	594.035.576.643
310	I. Nợ ngắn hạn		723.861.423.539	453.588.783.511
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.12	379.241.604.592	363.760.678.244
312	2. Phải trả cho người bán		123.392.115.286	9.898.624.888
313	3. Người mua trả tiền trước		90.521.211.150	37.889.423.721
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	5.910.549.772	2.400.905.004
315	5. Phải trả người lao động		10.321.129.194	2.365.911.508
316	6. Chi phí phải trả	V.14	90.272.820.503	4.384.450.513
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.15	23.162.905.775	31.494.761.366
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		1.039.087.267	1.394.028.267
330	II. Nợ dài hạn		53.729.207.006	140.446.793.132
331	1. Phải trả dài hạn người bán		5.397.778.124	10.000.000.000
333	3. Phải trả dài hạn khác	V.16	29.615.080.993	101.717.820.243
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.17	16.662.625.000	26.675.250.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		2.053.722.889	2.053.722.889
400	B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)		338.498.692.357	347.797.680.629
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	V.18	338.498.692.357	347.797.680.629
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		192.837.986.540	192.837.986.540
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		30.463.242.343	25.175.719.026
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		5.786.106.925	4.023.599.153
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.411.356.549	35.760.375.910
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		<u>1.116.089.322.902</u>	<u>941.833.257.272</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thuận

Nguyễn Hồng Trường

Nguyễn Khắc Tiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.20	659.394.277.733	766.308.306.517
02	2. Các khoản giảm trừ	VI.21	44.227.954	957.655.095
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.22	659.350.049.779	765.350.651.422
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.23	625.430.405.242	712.195.918.857
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.919.644.537	53.154.732.565
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.24	77.332.643.650	45.531.648.241
22	7. Chi phí tài chính	VI.25	77.271.471.595	45.724.595.619
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		72.188.670.097	33.728.388.119
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		26.189.194.067	31.216.286.144
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.791.622.525	21.745.499.043
31	11. Thu nhập khác	VI.26	4.508.073.826	17.420.938.792
32	12. Chi phí khác	VI.27	2.199.084.452	2.895.841.463
40	13. Lợi nhuận khác		2.308.989.374	14.525.097.329
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.100.611.899	36.270.596.372
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.28	-	510.220.462
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>10.100.611.899</u>	<u>35.760.375.910</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thuận

Nguyễn Hồng Trường



Nguyễn Khắc Tiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2011

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		709.021.296.689	740.410.773.492
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(716.527.138.274)	(659.621.985.675)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(14.304.120.910)	(33.214.803.347)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(72.619.526.745)	(34.449.825.067)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.178.430.700)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		49.030.471.878	148.516.747.400
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(45.493.514.758)	(161.395.932.137)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(92.070.962.820)	244.974.666
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(3.411.405.454)	(10.855.343.917)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		3.469.267.035	12.145.498.170
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(381.145.971.501)	(105.158.113.351)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		333.354.978.216	58.987.733.292
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(25.465.390.000)	(154.080.243.098)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		24.800.000.000	1.860.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		64.605.500.475	45.531.648.241
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		16.206.978.771	(151.568.820.663)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			11.619.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		548.551.885.974	468.447.913.904
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(543.083.584.626)	(235.974.259.496)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(16.200.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.468.301.348	216.285.273.408
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(70.395.682.701)	64.961.427.411
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		76.520.967.993	11.559.540.582
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		6.125.285.292	76.520.967.993

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thuận

Nguyễn Hồng Trường

Nguyễn Khắc Tiến



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 7, tên giao dịch quốc tế Song Da 7 Joint Stocks Company, viết tắt là Song Da 7 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2335/QĐ-BXD ngày 19 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng V/v chuyển Công ty Sông Đà 7 thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 224.03.000081 lần đầu ngày 29/12/2005 và thay đổi lần thứ mười ngày 05/05/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, số đăng ký kinh doanh thay đổi là 5400105091.

Vốn điều lệ của Công ty là 90.000.000.000 đồng, được chia thành 9.000.000 cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

Công ty có các công ty con sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty CP Sông Đà 7.02	Xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu
2	Công ty CP Sông Đà 7.04	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
3	Công ty CP Thủy điện Cao nguyên – Sông Đà 7	Xã ĐungKnở, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng
4	Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.06	Xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên
5	Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.01	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
6	Công ty TNHH Đồ gỗ Yên Sơn	Khu công nghiệp An Khánh, Hà Nội
7	Công ty TNHH MTV Sông Đà 705	Xã Nậm Hàng, H.Mường Tè, tỉnh Lai Châu
8	Công ty TNHH MTV Sông Đà 707 (*)	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

(*) Chuyển đổi mô hình hoạt động thành mô hình tổ chức hoạt động của chi nhánh trực thuộc Công ty Sông Đà 7 từ tháng 01/11/2011.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, sản xuất công nghiệp, đầu tư kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, nhà ở và xây dựng khác;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông;
- Trang trí nội ngoại thất công trình, tạo kiến trúc cảnh quan công trình;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Xây dựng các công trình thông tin, bưu điện, xây dựng hầm lò, đường hầm;
- Xây dựng các công trình cấp thoát nước và lấp đất;
- Khai thác mỏ, khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình, xử lý chống thấm, đóng cọc móng, khoan khai thác nước;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng, phụ kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giấy;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh nhà, bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Kinh doanh, tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí;
- Đầu tư, xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ; SXKD điện thương phẩm;
- Xuất, nhập khẩu hàng hóa, vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ thi công các công trình xây dựng,
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến BCTC

Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7.

Công ty chuyển giao toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty CP Năng lượng Cao Bằng cho Công ty con Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.09 (đổi tên từ Công ty TNHH MTV Điện Biên Sông Đà 7).

Khoản đầu tư vào 51,38% vốn của Công ty Cổ phần Sông Đà 8 mua lại của Tập đoàn Sông Đà chưa đem lại hiệu quả, cổ phiếu của Công ty CP Sông Đà 8 giảm sâu so với giá mua.

Việc chậm thanh quyết toán khối lượng xây lắp thực hiện từ phía chủ đầu tư và lãi suất cho vay vẫn ở mức cao đã làm tăng chi phí lãi vay của Công ty.

Trong kỳ, Công ty giảm vốn đầu tư vào 2 Công ty con theo hình thức giảm vốn điều lệ, theo đó vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.01 còn 10.000.000.000 đồng, Công ty TNHH Đồ Gỗ Yên Sơn còn 49.250.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết số 83NQ/CT-HĐQT ngày 14/10/2011 của Hội đồng quản trị, Công ty thành lập Chi nhánh Hà Nội trên cơ sở tiếp nhận toàn bộ nhân lực, máy móc thiết bị từ Chi nhánh số 2 thuộc Công ty TNHH MTV Sông Đà 706 và bộ phận xây lắp tại Hà Nội thuộc Xí nghiệp Sông Đà 707.2 – Công ty TNHH MTV Sông Đà 707. Giải thể Công ty TNHH MTV Sông Đà 707 với mục đích chuyển đổi mô hình hoạt động thành mô hình tổ chức hoạt động của chi nhánh trực thuộc Công ty Sông Đà 7.

0313
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
H VU TU
CHÍNH K
A KIỂM
T N KIỂM

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án, công trình được xác định theo chi phí thực tế phát sinh đến thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi trừ đi giá vốn ước tính của phần công việc đã hoàn thành và kết chuyển doanh thu đến thời điểm lập báo cáo.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, thời gian ước tính như sau.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.



6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.



8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác phát sinh có liên quan đến kết quả kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

031355
CÔNG TY
CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7
THị TRẤN ÍT ONG
HUYỆN MƯỜNG LA
TỈNH SƠN LA
M. TP.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này và được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

16. Phân phối lợi nhuận

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 7, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;

Lợi nhuận còn lại do Hội đồng quản trị đề nghị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	3.055.769.363	1.352.196.353
Tiền gửi ngân hàng	3.069.515.929	45.168.771.640
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
Cộng	6.125.285.292	76.520.967.993

2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2011 Số lượng	01/01/2011 Số lượng	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
CP CTCP Cơ khí lắp máy Sông Đà ,(1)	-	178.325	-	3.687.265.268
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 6 (1)	-	161.666	-	4.992.534.225
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 10 (1)	-	14.500	-	458.773.487
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 2	-	179.770	-	1.798.778.620
Công ty Cổ phần PV Inconess (2)	2.157.500	2.500.000	21.575.000.000	25.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn			-	(2.504.116.993)
Cộng			21.575.000.000	33.433.234.607

(1) Chuyển sang đầu tư dài hạn theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 65A/NQ-HĐQT-SD7 ngày 17/07/2011
 (2) Tách sổ cổ đông cho các nhân mua cổ phần của Công ty CP PV Inconess qua Công ty CP Sông Đà 7

3 . Các khoản phải thu khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu người lao động tiền BHXH, YT, TN	191.753.456	32.358.304
Phải thu người lao động tiền mua cổ phần các công ty khác	5.503.288.062	4.941.723.497
Công ty CP Sông Đà 801	4.467.919.223	
Phải thu tiền ứng vốn phục vụ SXKD Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.01	27.322.537.577	
Phải thu tiền ứng vốn phục vụ SXKD của Công ty CP Sông Đà 7.02	1.022.326.306	
Phải thu tiền ứng vốn phục vụ SXKD của Công ty CP Sông Đà 8	48.230.343.515	43.760.290.948
Phải thu tiền ứng vốn phục vụ SXKD của Công ty TNHH MTV Đồ gỗ Yên Sơn	62.049.422.457	15.556.354.749
Phải thu tiền ứng vốn phục vụ SXKD của Công ty TNHH MTV Sông Đà 705	116.967.028.082	61.147.196.461
Phải thu tiền ứng vốn phục vụ SXKD của Công ty TNHH MTV Sông Đà 707	-	23.084.781.416
Phải thu tiền ứng vốn phục vụ SXKD của Công ty TNHH Sông Đà 706	59.090.826.278	13.565.184.367
Phải thu tiền ứng vốn phục vụ SXKD của CTCP Thủy điện Cao nguyên SĐ 7	41.215.906	50.850.000
Phải thu tiền ứng vốn phục vụ SXKD của Công ty TNHH MTV Sông Đà 709	855.573.386	749.490.427
Phải thu Trần Thị Tuyết tiền chuyển nhượng cổ phần	7.810.000.000	7.810.000.000
Phải thu Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	6.187.200.000
Nguyễn Mạnh Thắng (tiền chuyển nhượng cổ phần)	11.160.000.000	-
Phải thu cổ tức được chia	1.560.000.000	
Phải thu tiền ủng hộ các huyện nghèo	2.552.931.008	
Phải thu khác	821.333.994	29.392.718
Cộng	349.646.499.250	176.914.822.887

4 . Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011			
	VND	VND			
Nguyên liệu, vật liệu	6.696.839.911	-			
Công cụ, dụng cụ	313.649.296	-			
Chi phí SXKD dở dang (*)	148.928.326.592	-			
Cộng giá gốc hàng tồn kho	155.938.815.799	-			
5 . Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011			
	VND	VND			
Tạm ứng	11.903.854.784	3.999.709.557			
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.000.000	6.000.000			
Cộng	11.909.854.784	4.005.709.557			
6 . Tài sản cố định hữu hình	<i>ĐVT: đồng</i>				
	Nhà, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu kỳ	-	46.818.888.021	4.508.107.108	778.234.604	52.105.229.733
Tăng trong kỳ	-	15.478.225.161	3.659.441.729	545.976.090	19.683.642.980
- Mua sắm		3.202.870.909	20.250.000	177.718.545	3.400.839.454
- Tăng khác		12.275.354.252	3.639.191.729	368.257.545	16.282.803.526
Giảm trong kỳ	-	2.255.860.864	-	113.985.218	2.369.846.082
- Thanh lý, nhượng bán		2.255.860.864		113.985.218	2.369.846.082
Số cuối năm	-	60.041.252.318	8.167.548.837	1.210.225.476	69.419.026.631
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu kỳ	-	18.542.167.773	1.817.896.900	348.838.471	20.708.903.144
Tăng trong kỳ	-	6.998.536.571	1.844.745.503	459.442.140	9.302.724.214
- Trích khấu hao TSCĐ		5.013.783.651	862.519.109	194.924.905	6.071.227.665
- Tăng khác		1.984.752.920	982.226.394	264.517.235	3.231.496.549
Giảm trong kỳ	-	1.152.435.864	-	18.241.892	1.170.677.756
- Thanh lý, nhượng bán		1.152.435.864		18.241.892	1.170.677.756
Số cuối kỳ	-	24.388.268.480	3.662.642.403	790.038.719	28.840.949.602
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	-	28.276.720.248	2.690.210.208	429.396.133	31.396.326.589
Số cuối kỳ	-	35.652.983.838	4.504.906.434	420.186.757	40.578.077.029
7 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2011	01/01/2011			
	VND	VND			
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>17.163.449.702</i>	<i>17.152.883.702</i>			
Khu nhà vườn sinh thái Đồng Quang	10.042.459.231	10.042.459.231			
Khu Đô thị Đồng Quang	7.120.990.471	7.110.424.471			
<i>Mua sắm tài sản (tầng 7 Tòa nhà HH4)</i>	<i>17.580.987.572</i>	<i>14.155.050.000</i>			
Cộng	34.744.437.274	31.307.933.702			



8 .Đầu tư vào công ty con	31/12/2011	01/01/2011	31/12/2011	01/01/2011
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Công ty CP Sông Đà 702 (đổi tên từ Công ty CP Thủy điện Nậm Thi - Sông Đà 7 (1))	4.059.215	3.354.676	40.475.145.000	33.429.755.000
Công ty CP Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà (1)	5.445.632	4.508.632	54.456.318.975	45.086.318.975
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	3.120.000	3.120.000	36.960.000.000	36.960.000.000
Công ty CP ĐT Đô thị và KCN Sông Đà 7 (4)	-	6.120.000	-	61.200.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 8 (2)	1.438.700	1.438.700	29.493.350.000	29.493.350.000
Công ty TNHH MTV Sông Đà 706 (đổi tên từ Công ty TNHH MTV Điện Biên Sông Đà 7)			47.648.356.680	41.618.356.680
Công ty TNHH MTV Sông Đà 709 (4) (đổi tên từ Công ty CP Năng Lượng Cao)			-	55.392.081.077
Công ty TNHH Đồ Gỗ Yên Sơn (3)			49.250.000.000	88.650.000.000
Công ty TNHH 1 Thành viên Sông Đà 7.01 (3)			10.000.000.000	28.800.000.000
Công ty TNHH 1 Thành viên Sông Đà 705			15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH 1 Thành viên Sông Đà 707 (5)			-	15.000.000.000
			283.283.170.655	450.629.861.732

Cộng

- (1) Công ty con huy động thêm vốn
- (2) Mua chuyển nhượng khoản đầu tư từ Công ty mẹ Tập đoàn Sông Đà
- (3) Giảm vốn điều lệ của công ty con
- (4) Chuyển nhượng cho Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.06
- (5) Giải thể công ty con, chuyển đổi mô hình thành chi nhánh trực thuộc

Thông tin bổ sung về các công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Q.biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
	31/12/2011	31/12/2011	
Công ty CP Sông Đà 702	67,65%	67,65%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty CP Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà	76,00%	76,00%	Thủy điện
Công ty TNHH MTV Sông Đà 706	100,00%	100,00%	Thủy điện
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04	52,00%	52,00%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty TNHH Đồ Gỗ Yên Sơn	98,50%	98,50%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty TNHH 1 Thành viên Sông Đà 7.01	100,00%	100,00%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty TNHH 1 Thành viên Sông Đà 705	100,00%	100,00%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	51,40%	51,40%	Xây lắp và sản xuất công nghiệp

9 . Đầu tư dài hạn khác	31/12/2011	01/01/2010	31/12/2011	01/01/2011
	Số lượng CP	Số lượng CP	VND	VND
Công ty CP Thủy điện Sừ Pán	3.000.000	3.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim VN	770.000	770.000	7.700.000.000	7.700.000.000
Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê	30.000	30.000	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Hóa chất -Muối mỏ Việt Lào			300.000.000	300.000.000
Công ty CP Thủy điện Nho Quế 1	480.000	480.000	4.800.000.000	4.800.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà			1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Bắc	1.120.000	1.120.000	11.200.000.000	11.200.000.000
Cổ phiếu CTCP Cơ khí lắp máy Sông Đà (1) (Công ty CP SOMECO Sông Đà)	178.325	-	3.687.265.268	-
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 6 (1), (2)	274.832	-	4.992.534.225	-
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 10 (1), (2)	26.100	-	458.773.487	-
Cổ phiếu Công ty CP Sông Đà 2 (1)	179.770	-	1.798.778.620	-
Cộng			66.337.351.600	55.400.000.000

(1) Chuyển sang đầu tư dài hạn theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 65A/NQ-HĐQT-SD7 ngày 17/07/2011
(2) Tăng do chia thưởng cổ phiếu trong kỳ

10 . Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cổ phiếu CTCP Sông Đà 8	(15.685.880.895)	(9.639.290.000)
Cổ phiếu CTCP Sông Đà 6	(1.021.362.603)	-
Cổ phiếu CTCP CK LM Sông Đà (CTCP SOMECO Sông Đà)	(518.964.993)	-
Cộng	(17.226.208.491)	(9.639.290.000)

Chi tiết dự phòng

Tên chứng khoán	Số lượng cổ phần sở hữu	Tổng số CP của đơn vị phát hành	Giá trị theo sổ kế toán của đơn vị phát hành (*)	Giá gốc khoản đầu tư theo sổ kế toán	Dự phòng giảm giá
Cổ phiếu CTCP Sông Đà 8	1.438.700	2.800.000	26.872.116.143	29.493.350.000	(15.685.880.895)
Cổ phiếu CTCP Sông Đà 6	274.832	17.509.824	252.990.148.634	4.992.534.225	(1.021.362.603)
CP CTCP SOMECO Sông Đ:	178.325	7.000.000	124.366.641.954	3.687.265.268	(518.964.993)
					(17.226.208.491)

(*) Giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại ngày 30/09/2011

11 . Chi phí trả trước dài hạn	01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ xuất dùng	314.528.734	2.766.649.118	720.940.554	2.360.237.298
Giá trị thương hiệu Sông Đà	300.000.000		75.000.000	225.000.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	-	708.737.182	533.589.580	175.147.602
Cộng	614.528.734	3.475.386.300	1.329.530.134	2.760.384.900

12 . Vay và nợ ngắn hạn				31/12/2011	01/01/2011
				VND	VND
Vay ngân hàng (*)				369.228.979.592	353.698.053.244
Vay dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn)				10.012.625.000	10.062.625.000
Cộng				379.241.604.592	363.760.678.244
(*) Thông tin bổ sung					
Bên cho vay	Số hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Phương thức đảm bảo
Ngân hàng Đầu tư và PT Việt Nam -CN Sơn La	số 10/0000551	1,5%/tháng	7 tháng	126.582.969.426	Đảm bảo bằng tài sản
NHTMCP Công thương Việt Nam -CN Tây Hà Nội	số 01-2010/SD7-TĐSL	1,54%/tháng	7 tháng	192.671.010.166	Cho vay không có TS đảm bảo
NHTMCP An Bình -CN Sơn La	số 246/10/TD/XII	1,71%/tháng	6 tháng	49.975.000.000	Đảm bảo bằng tài sản
Cộng				369.228.979.592	

13 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp		4.794.126.649	-
Thuế TNDN		553.686.076	2.257.464.559
Thuế thu nhập cá nhân		549.575.047	143.440.445
Các khoản phí, lệ phí, phải nộp khác		13.162.000	-
Cộng		5.910.549.772	2.400.905.004

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . Chi phí phải trả		31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
Trích trước chi phí phải trả về giá trị xây lắp		83.482.615.029	284.450.513
Trích trước chi phí lãi vay		2.690.205.474	
Chi phí phải trả khác		4.100.000.000	4.100.000.000
Cộng		90.272.820.503	4.384.450.513



15 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	1.913.159.403	1.725.680.319
Bảo hiểm xã hội	2.239.532.966	-
Bảo hiểm y tế	459.843.384	-
Bảo hiểm thất nghiệp	195.045.717	-
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	247.447.000	-
Cổ tức các năm chưa trả	14.627.418.660	113.918.660
Công ty CP Sông Đà 702	-	7.255.063.694
Các khoản phải trả trả Tổng công ty Sông Đà	-	1.917.673.773
Phải trả Công ty CP Sông Đà 7.04	-	7.717.337.614
Phải trả Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.01	-	8.930.480.311
Phải trả về thương hiệu Sông Đà	-	2.000.000.000
Công ty CP Someco Sông Đà	-	1.040.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.480.458.645	794.606.995
Cộng	<u>23.162.905.775</u>	<u>31.494.761.366</u>

16 . Phải trả dài hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải trả tiền mua cổ phần của các cá nhân (Sông Đà 7 đúng tên)	20.193.820.243	61.717.820.243
Phải trả Công ty CP Sông Đà 7.04	6.381.260.750	40.000.000.000
Phải trả về thương hiệu Sông Đà	2.000.000.000	-
Công ty CP Someco Sông Đà (chuyển nhượng vốn tại Công ty CP Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7)	1.040.000.000	-
Cộng	<u>29.615.080.993</u>	<u>101.717.820.243</u>

17 . Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn (*)	16.662.625.000	26.675.250.000
Cộng	<u>16.662.625.000</u>	<u>26.675.250.000</u>

(*) Chi tiết vay dài hạn cuối kỳ

Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Đến hạn trả trong kỳ tới	Phương thức đảm bảo
NHTMCP Công thương Việt Nam -CN Tây Hà Nội	Thả nổi có điều chỉnh	48 tháng	15.825.250.000	7.912.625.000	Đảm bảo bằng tài sản
NHTMCP Công thương Việt Nam -CN Sông Nhuệ	Thả nổi có điều chỉnh	96 tháng	10.500.000.000	1.750.000.000	Đảm bảo bằng tài sản
Ngân hàng Đầu tư và PT Việt Nam -CN Sơn La	Thả nổi có điều chỉnh	48 tháng	350.000.000	350.000.000	Đảm bảo bằng tài sản
Cộng			<u>26.675.250.000</u>	<u>10.012.625.000</u>	

Công ty Cổ phần Sông Đà 7

TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

18. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
1. Số dư đầu kỳ này	90.000.000.000	192.837.986.540	25.175.719.026	4.023.599.153	35.760.375.910	347.797.680.629
2. Tăng trong kỳ này	-	-	5.287.523.317	1.762.507.772	10.616.011.728	17.666.042.817
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	10.100.611.899	10.100.611.899
Tăng do phân phối LN	-	-	5.287.523.317	1.762.507.772	-	7.050.031.089
Tăng khác trong kỳ	-	-	-	-	515.399.829	515.399.829
3. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	26.965.031.089	26.965.031.089
Phân phối LN trong kỳ	-	-	-	-	26.965.031.089	26.965.031.089
Giảm khác trong kỳ	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ này	90.000.000.000	192.837.986.540	30.463.242.343	5.786.106.925	19.411.356.549	338.498.692.357



b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của Công ty mẹ Tập đoàn Sông Đà
 Vốn góp của các cổ đông khác

Cộng

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
	27.248.000.000	27.248.000.000
	62.752.000.000	62.752.000.000
	90.000.000.000	90.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
 + Vốn góp đầu kỳ
 + Vốn góp tăng trong kỳ
 + Vốn góp giảm trong kỳ
 + Vốn góp cuối kỳ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
	90.000.000.000	90.000.000.000
	-	-
	-	-
	90.000.000.000	90.000.000.000

d. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
 - Số lượng Cổ phiếu đã phát hành
 + Cổ phiếu phổ thông
 + Cổ phiếu ưu đãi
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
 + Cổ phiếu phổ thông
 + Cổ phiếu ưu đãi
 - Số lượng cổ phiếu quỹ
 + Cổ phiếu phổ thông
 + Cổ phiếu ưu đãi
 * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):

	31/12/2011	01/01/2011
	9.000.000	9.000.000
	9.000.000	9.000.000
	9.000.000	9.000.000
	-	-
	9.000.000	9.000.000
	9.000.000	9.000.000
	-	-
	-	-
	-	-
	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ
 Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng trong kỳ
 Điều chỉnh theo BB kiểm tra quyết toán thuế năm 2009, 2010
 Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2009
 Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận 2009
 Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2009
 Quỹ Thương ban điều hành từ lợi nhuận năm 2009
 Trả cổ tức năm 2009 bằng tiền
 Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2010
 Quỹ Thương ban điều hành từ lợi nhuận năm 2009
 Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận 2010
 Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận 2010
 Cổ tức năm 2010 chưa thanh toán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
	35.760.375.910	34.873.558.591
	10.100.611.899	35.760.375.910
	515.399.829	-
	-	(11.989.537.052)
	-	(1.634.572.967)
	-	(4.549.448.572)
	-	(500.000.000)
	-	(16.200.000.000)
	(5.015.000.000)	-
	(500.000.000)	-
	(5.287.523.317)	-
	(1.762.507.772)	-
	(14.400.000.000)	-
	19.411.356.549	35.760.375.910

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

20 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	523.709.368.780	659.492.908.940
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	9.953.836.220	873.876.040
Doanh thu khác bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	125.731.072.733	105.941.521.537
Cộng	<u>659.394.277.733</u>	<u>766.308.306.517</u>
21 . Các khoản giảm trừ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giảm giá hàng bán	44.227.954	957.655.095
Cộng	<u>44.227.954</u>	<u>957.655.095</u>
22 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	523.665.140.826	658.535.253.845
Doanh thu thuần hoạt động sản xuất công nghiệp	9.953.836.220	873.876.040
Doanh thu thuần khác bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	125.731.072.733	105.941.521.537
Cộng	<u>659.350.049.779</u>	<u>765.350.651.422</u>
23 . Giá vốn hàng bán	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	504.374.676.918	627.967.582.618
Giá vốn của hoạt động sản xuất công nghiệp	9.953.836.220	1.161.235.131
Giá vốn khác	111.101.892.104	83.067.101.108
Cộng	<u>625.430.405.242</u>	<u>712.195.918.857</u>
24 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.010.756.863	19.212.880.090
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.161.886.787	26.066.187.133
Lãi chuyển nhượng cổ phần	11.160.000.000	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	252.581.018
Cộng	<u>77.332.643.650</u>	<u>45.531.648.241</u>



25 . Chi phí tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	72.188.670.097	33.728.388.119
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.082.801.498	11.996.207.500
Cộng	77.271.471.595	45.724.595.619
26 . Thu nhập khác	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập từ nhượng bán tài sản	2.976.236.826	11.231.361.973
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm do tổn thất tài sản	1.528.337.000	6.187.200.000
Thu nhập khác	3.500.000	2.376.819
Cộng	4.508.073.826	17.420.938.792
27 . Chi phí khác	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản	2.193.031.963	826.488.920
Giá trị còn lại của tài sản tổn thất được bảo hiểm	-	2.069.346.552
Chi phí khác	6.052.489	5.991
Cộng	2.199.084.452	2.895.841.463
28 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	10.100.611.899	36.270.596.372
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính được ưu đãi (*)	(13.221.274.888)	10.204.409.239
Cổ tức, lợi nhuận được chia đã nộp thuế TNDN	12.161.886.787	26.066.187.133
Thu nhập khác không được ưu đãi (lãi chuyển nhượng cổ phần)	11.160.000.000	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.061.274.888)	10.204.409.239
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính được ưu đãi (*)	(13.221.274.888)	10.204.409.239
Lãi chuyển nhượng cổ phần không ưu đãi (bù trừ với HĐKD chính)	11.160.000.000	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	510.220.462

(*) Theo điểm 5, điều 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty được ưu đãi thuế suất 10% trong vòng 15 năm và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Công ty đã thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2006.

102037
 CÔNG T
 NHÌEM HỮ
 H VỤ TỰ
 HÍNH KẾ
 KIỂM TỐ

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN

29 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong kỳ, Công ty giảm vốn đầu tư tại Công ty con Công ty TNHH MTV Sông Đà 701 và Công ty TNHH Đồ Gỗ Yên Sơn. Theo đó vốn điều lệ của Công ty con giảm xuống và chuyển thành khoản nợ phải trả Công ty mẹ.

VIII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch 2011 (VND)
Công ty CP Sông Đà 8	Công ty con	Khối lượng xây lắp	138.420.200.326
		Nhượng bán vật tư	11.684.461.374
		Thu lãi vay ứng vốn lưu động	11.395.707.732
Công ty CP Sông Đà 8.01	Công ty con	Khối lượng xây lắp	9.132.222.535
		Nhượng bán vật tư	1.585.426.650
		Thu lãi vay ứng vốn lưu động	1.039.844.939
Công ty TNHH MTV Đồ gỗ Yên Sơn	Công ty con	Khối lượng xây lắp	4.970.534.142
		Nhượng bán vật tư	174.460.478
		Thu lãi vay ứng vốn lưu động	8.542.174.865
		Cho thuê văn phòng	169.300.000
Công ty TNHH MTV Sông Đà 705	Công ty con	Khối lượng xây lắp	68.586.843.862
		Nhượng bán vật tư	44.348.792.644
		Vữa bê tông	9.953.836.220
		Thu lãi vay ứng vốn lưu động	20.236.170.326
Công ty TNHH MTV Sông Đà 707	Công ty con	Khối lượng xây lắp	200.884.501.306
		Nhượng bán vật tư	11.702.658.618
		Thu lãi vay ứng vốn lưu động	7.021.621.149
Công ty TNHH MTV Sông Đà 706	Công ty con	Khối lượng xây lắp	16.273.583.187
		Nhượng bán vật tư	2.249.688.985
		Thu lãi vay ứng vốn lưu động	2.064.179.347
Công ty CP Sông Đà 7.04	Công ty con	Vữa bê tông	12.628.670.466
Công ty TNHH MTV Sông Đà 7.01	Công ty con	Khối lượng xây lắp	46.860.412.235
		Nhượng bán vật tư	5.382.695.072
		Thu lãi vay ứng vốn lưu động	2.994.797.704
Công ty CP Sông Đà 702	Công ty con	Khối lượng xây lắp	4.467.296.371
		Nhượng bán vật tư	13.223.744.462
		Thu lãi vay ứng vốn lưu động	52.772.768
Công ty CP Sông Đà 709	Công ty con	Khối lượng xây lắp	32.368.401
		Nhượng bán vật tư	154.849.621
		Cho thuê VP	30.038.182

HAN AN DAN

Cho đến ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư phải thu, phải trả tại 31/12/2012 (*)
Công ty CP Sông Đà 8	Công ty con	Ứng vốn lưu động	48.230.343.515
Công ty TNHH MTV Đồ gỗ Yên Sơn	Công ty con	Ứng vốn lưu động	62.049.422.457
Công ty TNHH MTV Sông Đà 705	Công ty con	Ứng vốn lưu động	116.967.028.082
Công ty TNHH MTV Sông Đà 709	Công ty con	Ứng vốn lưu động	855.573.386
Công ty TNHH MTV Sông Đà 706	Công ty con	Ứng vốn lưu động	59.090.826.278
Công ty TNHH Một Thành viên Sông Đà 7.01	Công ty con	Ứng vốn lưu động	27.322.537.577
Công ty CP Sông Đà 7.02	Công ty con	Ứng vốn lưu động	1.022.326.306
Công ty CP Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7	Công ty con	Khác	41.215.906
Công ty CP Sông Đà 7.04	Công ty con	Tiền khối lượng thanh toán qua BĐI	(6.381.260.750)

(*) Ghi chú: Giá trị khoản phải thu ghi số dương và giá trị khoản phải trả ghi số âm

IX. THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty

3 . Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình

X. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Thuận

Nguyễn Hồng Trường



Nguyễn Khắc Tiến